

Sikagard® 63 N

Lớp phủ bảo vệ

Mô tả Sikagard 63 N là lớp sơn phủ công nghệ cao, không dung môi, hai thành phần, gốc nhựa epoxy.

Các ứng dụng Là lớp sơn phủ công nghệ cao, kháng sự mài mòn cao, được thiết kế có khả năng bảo vệ tối đa chống lại sự mài mòn và kháng lại sự tác động của hóa chất ở mức độ vừa phải đến cao, Sikagard 63 N thích hợp để sử dụng cho:

- Bê tông, đá
- Vữa và các lớp trát gốc xi măng (không phải là polyme cải tiến)
- Xi măng epoxy (EpoCem)
- Sợi xi măng
- Vữa epoxy
- Thép (đã được thổi cát)
- Nhôm (đã được làm sạch bằng axit hoặc thổi cát)

Lớp phủ mặt:

- Bồn chứa
- Silo

Lớp phủ kháng ăn mòn trong:

- Nhà máy mạ điện
- Hệ thống nước thải
- Nông trường và nhà máy nông nghiệp
- Nhà máy dược phẩm và hóa chất
- Khu vực chịu sự bức xạ (đã có chứng chỉ sẵn)

Sản phẩm cũng được dùng để tạo lớp lót epoxy được gia cố bằng sợi thủy tinh với đặc tính phủ các vết nứt cho:

- Bồn chứa (cho dầu nhớt theo tiêu chuẩn TTV) và các bể lưu trữ.

Ưu điểm

- Không dung môi
- Kháng hoá chất tốt
- Cường độ cơ học tốt
- Công thức cao cấp
- Không co ngót khi khô
- An toàn khi tiếp xúc với thực phẩm
- Dễ trộn và dễ thi công
- Có thể thi công bằng chổi hoặc con lăn
- Các lớp phủ mặt có đặc tính phủ vết nứt (theo phụ lục 2 tiêu chuẩn TTV)

Chứng nhận	Chứng nhận bởi BUS: phụ lục 2 tiêu chuẩn TTV, (EAGS-Số 04.04.93)
	EMPA: Phòng thử nghiệm vật liệu liên bang (Dubendorf, Thụy Sĩ)
	Hệ thống được thử nghiệm đặc tính che phủ vết nứt theo phụ lục 2 tiêu chuẩn TTV: 1.0 mm; 2 lớp lưới sợi thủy tinh loại 270.
	ISEGA, Aschaffenburg: an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm.

Thông tin về sản phẩm

Màu	Xám (RAL 7032), xanh lá cây (RAL 6011) và Trắng hầu/kem (RAL 1013)
Lưu trữ	Lưu trữ ở nhiệt độ từ +5°C đến +30°C
Thời hạn sử dụng	24 tháng kể từ ngày sản xuất nếu lưu trữ đúng cách trong thùng nguyên chưa mở.
Đóng gói	10 kg bộ (thành phần A+B)

Thông số kỹ thuật

Khối lượng thể tích (20°C)	Thành phần A+B: 1.35 kg/lít (± 0.05)	
Độ nhớt (20°C)	Thành phần A	thixotropic
	Thành phần B	~ 8'500 mPas . s
	Thành phần A+B	thixotropic mức độ nhẹ
Cường độ bám dính (DIN 53232)	Với bê tông	~ 3.5 N/mm ² (bê tông hỏng)
	Với thép (đã được thổi cát)	~ 24 N/mm ²
	Với nhôm (đã được làm sạch bằng axit)	~ 16 N/mm ²
Hệ số giãn nở nhiệt	Từ -10°C đến +40°C: ~ 7.5 x 10 ⁻⁶	
Kháng sự khuếch tán của hơi nước (mH O₂)	~100'000	

Thi công

Tỷ lệ trộn	Theo khối lượng : thành phần A : B = 8.7 : 1.3			
Tốc độ phản ứng	Thời gian cho phép thi công (2 kg mẻ)	Thời gian bảo dưỡng	20°C	10°C
	30°C ~ 10 phút	- Có thể sơn chống lên sau	5 giờ	9 giờ
	20°C ~ 20 phút	- Có thể đi bộ lên sau	10 giờ	16 giờ
	10°C ~ 30 phút	- Bảo dưỡng hoàn toàn* sau	9 ngày	15 ngày
	* kháng hóa chất và cơ học hoàn toàn			

Lưu ý về thi công / giới hạn	<ul style="list-style-type: none"> ■ Hàm lượng hơi ẩm <4% (hoặc sử dụng Sikagard/Sikafloor EpoCem) ■ Bề mặt thép phải được thổi cát (SA 2.5) ■ Nhiệt độ nền tối đa +30°C ■ Nhiệt độ nền tối thiểu +10°C ■ Độ ẩm tương đối tối đa không được vượt quá 85% (kể cả ban đêm) ■ Nhiệt độ của nền phải 3°C trên điểm sương ■ Thời gian chờ giữa các lớp không được vượt quá 48 tiếng – nếu không bề mặt phải được mài nhám trước khi phủ lại lớp khác. ■ Độ dày tối thiểu của lớp phủ để bảo vệ chống sự ăn mòn là 0.6 mm dft (tối thiểu 2 lớp; thép: 3 lớp lên bề mặt vô cơ; không có lỗ không khí hoặc lỗ bong bóng) ■ Để che phủ các vết nứt, cần làm theo hướng dẫn của phụ lục 2 tiêu chuẩn TTV ■ Không dùng cho mục đích thẩm mỹ ■ Sẽ bị chuyển sang màu vàng khi tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời
-------------------------------------	--

Hiệu suất	Với độ dày lý thuyết 100 micron (0.1 mm) cần khoảng 0.15 kg/m ²
Mật độ tiêu thụ	0.3 – 1.0 kg/m ² cho mỗi lớp, tùy thuộc vào điều kiện nền hoặc độ dày của lớp phủ theo yêu cầu.
Chuẩn bị bề mặt	Nền phải sạch và không có các vật liệu dễ bong tróc, dầu nhớt. Bề mặt quá trơn láng hoặc bị nhiễm bẩn thì phải mài nhám bằng cách thổi mặt đá hoặc máy mài, sau đó làm sạch bụi hoàn toàn. Sau đó nên thi công một lớp phủ/trám bằng Sikagard 75 Epocem hoặc Sikafloor 81/82 Epocem, sau khi đã sửa chữa các hư hỏng chính trên bề mặt (bê tông bị vỡ hoặc bị rỗ tổ ong v.v..) bằng hệ thống sửa chữa của Sika.
Trộn	Cho toàn bộ thành phần B vào thành phần A, dùng chổi sơn hoặc dao bay để loại bỏ phần cặn. Trộn đều bằng cần trộn điện, cần cẩn thận để bọt khí càng ít và càng tốt.
Thi công	Có thể thi công Sikagard 63 N bằng chổi sơn, con lăn bằng nylon, dao bay.
Vệ sinh	Làm sạch dụng cụ và thiết bị ngay lập tức bằng bằng Thinner C. Khi đã hoá cứng, vật liệu chỉ có thể làm sạch bằng các biện pháp cơ học.
Cẩn trọng	Sự hiện diện của axit oxy hóa và clo gây nên sự đổi màu trầm trọng. Tiếp xúc trực tiếp với thời tiết và tia tử ngoại có thể gây ra sự đổi màu và hơi bị trắng. Nhưng không điều kiện nào gây ảnh hưởng có hại đến tính năng bảo vệ của lớp phủ.

Thông tin về sức khỏe và an toàn

Lưu ý quan trọng	Nhựa epoxy và chất làm cứng có thể gây dị ứng da và/hoặc màng nhầy cho những người nhạy cảm. Nếu vật liệu bị văng lên mắt, rửa sạch ngay lập tức với thật nước ấm và đến gặp bác sĩ ngay lập tức. Nên dùng kem bảo vệ da chất lượng cao trước khi bắt đầu công việc. Mang găng tay và mắt kính bảo hộ trong khi trộn và thi công.
Sinh thái học	Ở dạng lỏng thành phần A + B làm ô nhiễm nước Không được đổ bỏ vào nước hoặc đất đá mà phải tuân thủ qui định của địa phương
Độc hại	Thành phần A + B: loại 4 theo quy định về sức khỏe và an toàn của Thụy Sĩ Tuân thủ các cảnh báo trên bao bì
Vận chuyển	Thành phần A: Không độc hại Thành phần B: 8/66 c)

Trách nhiệm pháp lý

Những thông tin và đặc biệt là những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng sản phẩm được Sika cung cấp dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika áp dụng cho sản phẩm được tôn trữ đúng cách, xử lý và thi công theo điều kiện thông thường trong giới hạn tuổi thọ của sản phẩm. Trong thực tiễn, sự khác biệt về vật liệu, về bề mặt nền và về điều kiện thực tế ngoài hiện trường là những yếu tố khiến ta không thể cam đoan về tình thương mại hoặc về sự phù hợp cho một mục đích cá biệt, cũng như không có bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào có thể nảy sinh từ bất kỳ mối liên quan pháp luật nào, hoặc từ những thông tin này, hoặc từ hướng dẫn bằng văn bản nào, hoặc từ những lời khuyên nào khác. Sự độc quyền của bên thứ ba phải được tôn trọng. Mọi đơn đặt hàng đều được chấp nhận theo điều kiện kinh doanh và giao hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng nên luôn tham khảo bản chi tiết sản phẩm có liên quan, tài liệu này sẽ được cung cấp khi có yêu cầu.

XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ PHÒNG KỸ THUẬT NẾU MUỐN BIẾT THÊM CHI TIẾT

Construction



Sika Limited (Vietnam)

Trụ sở chính:
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-61) 848576-83
Fax: (84-61) 848581



Kháng hóa chất của Sikagard 63N

Các hóa chất thử	Nhiệt độ thử nghiệm °C	Thời gian tiếp xúc và mức độ biểu hiện					
		1 ngày	7 ngày	30 ngày	2 tháng	6 tháng	12 tháng
Axeton	20	A	C	-	-	-	-
Acrylonitril	20	A	A	A	A	A	A
Etanol	20	A	A	A	B	C	-
	40	A	B	C	-	-	-
Etanol/nước 60:40	20	A	A	A	A	A	A
Axit formic 10%	20	A	A	A	A	A	B
Amoniac 10%	20	A	A	A	AD	AD	AD
	40	A	A	AD	AD	AD	AD
Xăng (EMPA/TTV) (15% Methanol)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	AD
Benzen/toluen/xylen	20	A	A	A	A	A	A
Axit Cromic (H_2CrO_4) 20%	20	AD	C	-	-	-	-
	40	AD	C	-	-	-	-
Nước chung cất	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
	60	A	A	A	AD	AD	AD
Thuốc tẩy (ví dụ như dung dịch "Ajax")	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Dung dịch clorua Sắt III ($FeCl_3$) 35%	20	A	A	AD	AD	AD	AD
	40	A	A	AD	AD	AD	AD
Dung dịch sulfat Sắt II ($FeSO_4$) 35%	20	A	AD	AD	AD	AD	AD
	40	A	AD	AD	AD	AD	AD
Este axetic	20	A	B	C	-	-	-
Axit acetic 20%	20	A	A	C	-	-	-
	40	A	A	C	-	-	-
Phân bón dạng lỏng	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	AD
Dầu nhiên liệu (EMPAC)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
	60	A	A	A	A	A	A
Chất lỏng thủy lực (ví dụ "Arcosafe", "Skydrol")	20	A	A	A	B	B	B
	40	A	A	B	B	B	B
Nước Javelle 14% (Cl_2)	20	A	A	A	BD	BD	C
Kali permanganat 10% (KmO_4) Dầu hỏa	20	A	A	AD	AD	AD	AD
	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Dung dịch Clorua Natri (bão hòa) (NaCl)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Metyl etyl keton MEK	20	A	C	-	-	-	-
Axit lactic 20%	20	A	A	A	A	AD	AD
	40	A	A	AD	AD	AD	C

Dung dịch sulfic natric (bão hòa) (Na_2SO_3)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Xút 30% (NaOH)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Axít oxalic 10% ($\text{H}_2\text{C}_2\text{O}_4$)	20	A	A	AD	AD	AD	AD
	40	A	AD	AD	AD	AD	AD
Axít phosphoric 40% (H_3PO_4)	20	A	AD	AD	AD	AD	AD
	40	AD	AD	AD	AD	C	-
Dầu nhiên liệu	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
	60	A	A	A	A	A	A
Axít nitric 20% (HNO_3)	20	AD	AD	AD	AD	AD	AD
	40	AD	AD	C	-	-	-
Axít clohydric đậm đặc (HCl)	20	A	AD	AD	AD	AD	AD
	40	AD	AD	AD	BD	C	-
Axít sulfuric 50% (H_2SO_4)	20	AD	AD	AD	AD	AD	AD
	40	AD	AD	AD	AD	AD	AD
Axít sulfuro 5% (H_2SO_3)	20	A	A	AD	AD	AD	AD
	40	A	AD	AD	AD	AD	BD
Dung dịch soda (bão hòa) (Na_2CO_3)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Styrene	20	A	A	A	A	A	B
Tricloetan	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
Tricloetylen	20	A	B	C	-	-	-
Nước	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A
	60	A	A	A	B	B	B
Hydrogen peroxide 5% (H_2O_2)	20	A	A	A	A	B	B
Axít tartaric 20%	20	A	A	A	A	A	A
Nước xi măng (bão hòa) ($\text{Ca}(\text{OH})_2$)	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	AD
Axít citric 20%	20	A	A	A	A	A	A
	40	A	A	A	A	A	A

Để biết thêm thông tin về khả năng kháng các hoá chất khác, xin vui lòng liên hệ Phòng Kỹ Thuật.

A = kháng khi tiếp xúc kéo dài

B = kháng tạm thời

C = lớp phủ bị nứt

D = kháng nhưng lớp phủ bị đổi màu